

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 tháng 3 năm 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hoàng Huy và bà Hoàng Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2023/TLST-HN, ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bé Thị N**, sinh năm 1983; địa chỉ: **Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông**; vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lương Văn T**, sinh năm 1980; địa chỉ: **Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 24/11/2023, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị **Bé Thị N** trình bày:*

Chị **N** và anh **T** kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Chị **N** và anh **T** có 2 con chung là **Lương Tú U**, sinh ngày 07/9/2009 và **Lương Minh H**, sinh ngày 23/7/2012 hiện đang sống chung cùng vợ chồng chị **N**. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì anh **T**

thường xuyên đi nhậu, hàng ngày đi từ sáng đến đêm có khi không về nhà, gần như ngày nào cũng nhậu, nhậu xong thì chơi bài bạc. Trước đây anh T cũng nhiều lần hứa hẹn còn viết cả giấy cam kết bỏ nhậu, bỏ bài bạc nhưng vẫn không thay đổi. Khi anh T đi nhậu, đi đánh bài về thì vợ chồng cãi nhau, anh T có hành vi đánh đập, chửi bới chị N, lần gần đây nhất là tháng 10 năm 2023, anh T đi nhậu và đi đánh bài về thì vợ chồng xảy ra cãi vã, anh T đánh chị N trước mặt các con. Mặc dù đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo nhưng bản thân chị N nhận thấy anh T không thể thay đổi được bản chất, dù đã cho nhiều cơ hội sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy, từ tháng 10 năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn nói chuyện, quan tâm đến nhau vì vậy chị N khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lương Văn T, về con chung: Chị N nguyện vọng được nuôi cháu Lương Tú U, sinh ngày 07/9/2009 và Lương Minh H, sinh ngày 23/7/2012. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

Ngày 15/3/2024, chị Bé Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

Theo lời khai của bị đơn trong trong quá trình tố tụng anh Lương Văn T trình bày:

Anh Lương Văn T đồng ý với nội dung trình bày của chị Bé Thị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh T thừa nhận nguyên nhân dẫn đến việc chị N ly hôn là do anh T đi làm rẫy sau đó có nhậu và chơi bài với anh em, bạn bè, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T có đánh chị N. Thời gian gần đây, anh T cũng cố gắng thay đổi bản thân, ít đi nhậu và không còn chơi bài bạc. Bản thân anh T vẫn còn tình cảm yêu thương và mong muốn vợ chồng đoàn tụ do đó anh T không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì về con chung thì anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Lương Tú U, sinh ngày 07/9/2009 và Lương Minh H, sinh ngày 23/7/2012. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Bé Thị N đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bé Thị Na**.

Về hôn nhân: Chị **Bé Thị N** được ly hôn với anh **Lương Văn T**.

Về con chung: Giao cháu **Lương Tú U**, sinh ngày 07/9/2009 và **Lương Minh H**, sinh ngày 23/7/2012 cho chị **N** nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị **Bé Thị N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị **Bé Thị N** yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh **Lương Văn T**, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh **Lương Văn T** có địa chỉ cư trú tại **thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị **Bé Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh (**Lương Văn T**) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bé Thị N** và anh **Lương Văn T** kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Chị **N** và anh **T** đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do anh **T** thường xuyên đi nhậu sau đó chơi đánh bài với bạn bè, khi vợ chồng xảy ra cãi vã thì anh **T** có hành vi chửi bới và đánh chị **N**. Mâu thuẫn trầm trọng phát sinh từ tháng 10 năm 2023, khi anh **T** đi nhậu và đi đánh bài về thì vợ chồng xảy ra cãi vã, anh **T** đánh chị **N** trước mặt các con và phải nhờ bố mẹ chị **N** đến can ngăn, gia đình hai bên có

khuyên bảo, hòa giải cho anh chị tuy nhiên chị **N** nhận thấy anh **T** không thể thay đổi được, dù đã cho nhiều cơ hội sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy, mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không ngủ chung, không nói chuyện và không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **T** là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Bé Thị Na**.

[2.2]. Về con chung: Chị **N** và anh **T** có **Lương Tú U**, sinh ngày 07/9/2009 và **Lương Minh H**, sinh ngày 23/7/2012. Chị **N** và anh **T** đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ nguyện vọng của các con là được sống cùng chị **N** và điều kiện kinh tế, thu nhập của chị **N** ổn định hơn so với anh **T** (Chị **N** là kế toán tại **Trường M** với mức lương trung bình trên 7.000.000đồng/tháng còn anh **T** làm nghề nông, mức thu nhập không ổn định, nguồn thu chính từ rẫy bố mẹ vợ cho mượn và từ thửa đất rẫy là tài sản chung của vợ chồng) do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu **Lương Tú U**, sinh ngày 07/9/2009 và **Lương Minh H**, sinh ngày 23/7/2012 cho chị **N** nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị **Bé Thị N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bé Thị Na**.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bé Thị N** được ly hôn với anh **Lương Văn T**

1.2 Về con chung: Giao cháu **Lương Tú U**, sinh ngày 07/9/2009 và cháu **Lương Minh H**, sinh ngày 23/7/2012 cho chị **Bé Thị N** trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị **Bé Thị N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001754 ngày 05/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh